

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH SU KEM BEARD PAPA'S HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH SU KEM BEARD PAPA'S HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEARD PAPA'S HANOI ICE CREAM CAKE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BEARD PAPA'S HANOI ICE CREAM CAKE., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110580427

3. Ngày thành lập: 22/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 15, Khối B, Tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985629001

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
2.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
4.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh bảo quản vận chuyển thực phẩm chức năng	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón	4669
13.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (trừ kinh doanh thuốc thú y)	0162
14.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Trừ hoạt động đấu giá)	8299
16.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
17.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
18.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động báo chí)	9000
19.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
22.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
23.	Cho thuê xe có động cơ	7710
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
25.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
26.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071(Chính)
27.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
28.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
29.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
30.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
31.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
32.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
35.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
36.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791

37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5610
43.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5621
44.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
48.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
49.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
50.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772

6. Vốn điều lệ: 13.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH BÁN LÊ SAKUKO VIỆT NAM	Tầng 2, tòa nhà AT, Số nhà 9 ngõ 7 đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.274.0 00	12.740.000.000	98,000	0105483587	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.274.0 00	12.740.000.000	98,000		
2	ĐÀO HOÀNG LONG	Tổ dân phố 17, Phường Trung Vân, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.000	130.000.000	1,000	0012000119 83	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	13.000	130.000.000	1,000		

3	TRẦN THỊ THẢO	Thôn Vũng Trại, Xã Mỹ Hà, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.000	130.000.000	1,000	036193020682
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	13.000	130.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ NGỌC DIỆP
Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/11/1989
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036189006968

Ngày cấp: 09/09/2022
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Thông, Xã Yên Trung, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thông, Xã Yên Trung, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội